

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 200/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2622/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 233/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1995; Địa chỉ: 255/3, khu phố 3, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: 26/24, khu phố 4, phường HN, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1992; Địa chỉ: 153 tổ 24, khu phố 6, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Phạm Thị Ngọc B) và anh Nguyễn Tiến P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 214/KH, quyển số 01-2012, ngày 04/9/2012.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Thời gian vợ chồng sống chung với nhau không được lâu thì anh P phải đi cai nghiện ma túy nên anh P cũng không

có thời gian chăm lo cho gia đình. Sau khi anh P đi cai nghiện về thì cũng chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn để xây dựng gia đình. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ năm 2017 tôi đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ: 26/24, khu phố 4, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa để sinh sống nên vợ chồng cũng đã ly thân từ đó cho đến nay, không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Tiến P.

- Về con chung: Tôi và anh P có 02 con chung tên là Nguyễn Yên N, sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Khang H, sinh ngày 12/11/2015. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung N và H, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Tiến P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Tiến P không thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1992; Địa chỉ: 153, tổ 24, khu phố 6, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét đơn chị B làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn anh Nguyễn Tiến P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc B và anh Nguyễn Tiến P chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 214/KH, quyền số 01-2012, ngày 04/9/2012. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa chị B và anh P được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến P, vì trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm nhau, anh P nghiện ma túy, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 14/5/2020 tại Công an phường LB, thành phố BH có ghi nhận nội dung: “Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1992 hiện nay không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1992 hiện nay có đăng ký tạm trú và đang sinh sống thường xuyên tại địa chỉ: số 153, tổ 24, khu phố 6, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để chị B và anh P đoàn tụ nhưng anh P đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Việc anh P không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy anh P nghiện ma túy, chị B và anh P sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho chị Phạm Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Tiến P.

- Về con chung: Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, chị B đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung của chị và anh P tên là Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Khang H, sinh ngày 12/11/2015 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì 02 con hiện đang ở chung với chị, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng từ lúc chào đời cho đến nay.

Theo bản khai của cháu Nh có tại hồ sơ, sau khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu được ở với mẹ B, ý chí của cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Các cháu H, N chị B chăm sóc từ nhỏ, hai cháu hiện sống chung với chị tại nhà mẹ ruột của chị là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964, địa chỉ: 26/24, khu phố 4, phường HN, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo chỗ ở cho các cháu; hiện tại chị B làm nghề tự do, thu nhập một tháng được số tiền khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đảm bảo kinh tế nuôi các cháu; cháu N được chị B cho đi học tại Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương, cháu H đi học tại Trường mẫu giáo Chích Chèo thành phố BH; còn anh P nghiện ma túy. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao

các cháu H và N cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chị Phạm Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Tiến P.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/3/2013 và Nguyễn Khang H, sinh ngày 12/11/2015 cho chị Phạm Thị Ngọc B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Nguyễn Tiến P không phải cấp dưỡng cho con.

Anh P không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của các con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0001301 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị B đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B và bị đơn anh Nguyễn Tiến P đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;

(Đã ký)

- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường Tân Biên;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn